Chi tiết mã HS 6507.00.00

Mã HS	6507.00.00
Mô tả hàng hóa	Băng lót vành trong thân mũ, lớp lót, lớp bọc, cốt, khung, lưỡi trai và quai, dùng để sản xuất mũ và các vật đội đầu khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	16/11/2026 18:14:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/65070000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10080
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10080
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10080
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9599
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9550
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9550
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9550
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9550
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9550
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9550
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E9602
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9602

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9602
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9602
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9602
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9602
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	VJ!E9603
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2.5	VJ!F9603
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9603
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9603
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9603
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9603
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9604
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9556
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9562
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9562
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9562
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9562
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9562
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9562
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9587
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9587
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9587
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9587
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9587
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9587
VCFTA	2022	2022	6	VC!D9634
VCFTA	2023	2023	3	VC!E9634

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9634
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9634
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9634
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9634
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D9613
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E9613
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F9613
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9613
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9613
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9613
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D9625
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E9625
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F9625
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G9625
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H9625
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I9625
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D9636
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E9636
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F9636
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9636
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9636
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9636
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D9635
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E9635
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F9635
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9635

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9635
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9635
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9582
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9582
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9582
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9582
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9582
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9582
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9582
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9619
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9619
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9619
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9619
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9619
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9619
RCEP B	2022	2022	0	B!D9619
RCEP B	2023	2023	0	B!E9619
RCEP B	2024	2024	0	B!F9619
RCEP B	2025	2025	0	B!G9619
RCEP B	2026	2026	0	B!H9619
RCEP B	2027	2027	0	B!I9619
RCEP C	2022	2022	0	C!D9619
RCEP C	2023	2023	0	C!E9619
RCEP C	2024	2024	0	C!F9619
RCEP C	2025	2025	0	C!G9619
RCEP C	2026	2026	0	C!H9619

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9619
RCEP D	2022	2022	0	D!D9618
RCEP D	2023	2023	0	D!E9618
RCEP D	2024	2024	0	D!F9618
RCEP D	2025	2025	0	D!G9618
RCEP D	2026	2026	0	D!H9618
RCEP D	2027	2027	0	D!I9618
RCEP E	2022	2022	0	E!D9622
RCEP E	2023	2023	0	E!E9622
RCEP E	2024	2024	0	E!F9622
RCEP E	2025	2025	0	E!G9622
RCEP E	2026	2026	0	E!H9622
RCEP E	2027	2027	0	E!I9622
RCEP F	2022	2022	0	F!D9619
RCEP F	2023	2023	0	F!E9619
RCEP F	2024	2024	0	F!F9619
RCEP F	2025	2025	0	F!G9619
RCEP F	2026	2026	0	F!H9619
RCEP F	2027	2027	0	F!I9619
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F8904
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G8904
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H8904
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I8904

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6507.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 6507.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10080), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.